

BIỂU LÃI SUẤT ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

(Dành cho Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ)

STT	NỘI DUNG	LÃI SUẤT
I	LÃI SUẤT TRONG HẠN ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM (Ban hành kèm Quyết định số 809/2017/QĐi-TGD, có hiệu lực từ ngày 12/10/2017)	
1	Khách hàng có Tài sản bảo đảm là 100% Giấy tờ có giá do VPBank phát hành	13%/năm
2	Khách hàng có Tài sản bảo đảm khác được VPBank chấp nhận (không phải 100% Giấy tờ có giá do VPBank phát hành)	
a)	Thẻ tín dụng quốc tế Business Credit	17%/năm
b)	Thẻ tín dụng quốc tế Business Platinum	15%/năm
II	LÃI SUẤT TRONG HẠN ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ KHÔNG CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM (Ban hành kèm Quyết định số 795/2018/QĐi-TGD, có hiệu lực từ ngày 06/10/2018)	
1	Thẻ tín dụng quốc tế Business Credit	
a)	Khách hàng Micro SME	28%/năm
b)	Khách hàng Small/Middle SME	27%/năm
2	Thẻ tín dụng quốc tế Business Platinum	
a)	Khách hàng Micro SME	28%/năm
b)	Khách hàng Small/Middle SME	25%/năm

Lưu ý:

- Tiền lãi Thẻ tín dụng được tính trên cơ sở một năm là **365 ngày**
- Lãi suất tính lãi: Được tính theo tỷ lệ %/năm (X%/năm) theo phương pháp tính lãi "tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi"
- Tùy thuộc vào từng loại Thẻ tín dụng, Lãi suất Thẻ tín dụng có thể được điều chỉnh căn cứ vào yếu tố thị trường, chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

Mức lãi suất điều chỉnh được tính theo công thức sau:

- Lãi suất điều chỉnh bằng (=) Lãi suất thẻ hiện đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) Một mức lãi suất tăng thêm cụ thể (được Ngân hàng công bố công khai trên website chính thức của Ngân hàng từng thời kỳ).